TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181**/2019/DS – PT
Ngày: 03/10/2019
V/v "*Tranh chấp chia tài sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Bà **Lê Thúy Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2019/TLPT-DS ngày 23/01/2019 về *"Tranh chấp chia tài sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1197/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ông **Huỳnh Tấn Đ;**

Địa chỉ: Số 37 đường Tr1, phường Ph1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Tấn P**; địa chỉ: số 37 đường Tr1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa theo giấy ủy quyền lập ngày 07/11/2017. Có mặt.

* ***Bị đơn*****:** 1. Bà **Trần Thị L**; Vắng mặt.

2. Ông **Huỳnh Tấn T**; Vắng mặt.

3. Ông **Huỳnh Tấn Th**; Vắng mặt.

4. Bà **Huỳnh Thị Trang Đ1**; Vắng mặt.

5. Bà **Huỳnh Thị Đài T1**; Vắng mặt.

6. Bà **Huỳnh Thị Lệ H;** Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Ph2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L, ông T, ông Th, bà Đ1, bà T1, bà H: Ông Nguyễn Văn H4. Địa chỉ: 44/23 đường N2, Thành phố N1, Khánh Hoà. (GUQ ngày 14/5/2019 và 28/5/2019). Có mặt

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1**.** Ông **Huỳnh Tấn T2**; địa chỉ: Tổ dân phố Ph2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bà **Huỳnh Thị H1**; địa chỉ: số 100/1 tổ 1, phường V1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Bà **Huỳnh Thị B**; địa chỉ: Tổ dân phố Ph2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Bà **Cao Thị L1**; Vắng mặt.

5. Bà **Huỳnh Thị Lệ Th1**; Vắng mặt.

6. Ông **Huỳnh Tấn Đ2**; Vắng mặt.

7. Bà **Huỳnh Thị Ngọc S**; Vắng mặt.

8. Bà **Huỳnh Thị Huyền Ph**; Vắng mặt.

9. Ông **Huỳnh Tấn T3**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Cao Thị L1 , Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S, Huỳnh Thị Huyền Ph và Huỳnh Tấn T3: Ông **Huỳnh Tấn Yên Tr**; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 7 đường L2, phường N3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

10. Ủy ban nhân dân huyện D;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D: Ông **Nguyễn Hữu H2** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D: Ông **Huỳnh Hữu H3**, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Huỳnh Tấn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10 thị trấn D, huyện D có diện tích 1.164,2 m^2 và căn nhà trên đất do cha mẹ của nguyên đơn là ông Huỳnh B1 (chết năm 1982) và bà Nguyễn Thị Th2 (chết năm 2001) để lại, không có di chúc.

Ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2 có 07 người con gồm:

1. Huỳnh Tấn Đ;

2. Huỳnh Tấn T2;

3. Huỳnh Tấn T3;

4. Huỳnh Thị H1;

5. Huỳnh Thị B;

6. Huỳnh Ch (chết) có vợ là bà Trần Thị L và các con là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H.

7. Huỳnh Tấn Đ3 (chết trước năm 1975) có vợ là bà Cao Thị L1 và các con là Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S và Huỳnh Thị Huyền Ph.

Năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00229 cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch (chết) đối với thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10, diện tích 1164,2 m^2. Năm 2016, bà L đã tặng cho các con là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1, Huỳnh Thị Lệ H mỗi người một phần thửa đất này và các con cảa bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất này có một căn nhà cấp 4 do ông Huỳnh Tấn T3 và ông Huỳnh Tấn Đ bỏ tiền ra xây cho Ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2 ở từ trước năm 1975.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ thửa đất số 119 tờ bản đồ Số 10 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất cho tất cả các đồng thừa kế của ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2; yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 003798, CH003799, CH03800, CH03801, CH03802, CH03803, CH00229 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho các ông bà Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Lệ H, Trần Thị L.

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Nguồn gốc tài sản mà nguyên đơn tranh chấp là do ông bố mẹ chồng bà là ông Huỳnh B1 (chết năm 1982) và bà Nguyễn Thị Th2 (chết năm 2001) khi còn sống đã cho chồng bà là ông Huỳnh Ch (cho nói miệng, không lập văn bản). Năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00229 cho bà (Trần Thị L) và ông Huỳnh Ch (chết 2007) đối với thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10, diện tích 1164,2m^2. Năm 2016, bà đã cho các con là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1, Huỳnh Thị Lệ H mỗi người một phần thửa đất này và các con bà đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất. Trên phần đất này có một căn nhà cấp 4 do ông bà xây dựng từ lâu hiện nay gia đình bà đang ở. Trên phần đất mà bà cho con gái là Huỳnh Thị Đài T1, bà T1 đã xây móng để làm nhà. Quá trình sử dụng nhà đất, do mái ngói nhà từ đường hư hại nên bà có lợp lại và lát nền gạch hoa.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà, đất này vợ chồng bà ở cùng cha mẹ và quản lý, sử dụng từ năm 1973 đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã chia cho các con và các con cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bà Trần Thị L, Huỳnh Thị Lệ H, Huỳnh Thị Trang Đ1, Huỳnh Thị Đài T1 trình bày:

Thống nhất hoàn toàn với trình bày và ý kiến của bị đơn bà Trần Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn T2 trình bày:

Nguồn gốc tài sản mà nguyên đơn tranh chấp là do ông nội ông là ông Huỳnh Tấn Bá (chết từ lâu) để lại cho cha mẹ ông là ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2. Các anh chị em ông đều sinh ra và lớn lên ở đây cho đến khi có gia đình và ra ở riêng. Năm 1996, ông ra ở riêng cách đó 200m, chỉ còn lại gia đình ông Huỳnh Ch ở trên đất này. Theo ông, việc bà Trần Thị L đứng ra kê khai làm sổ sau khi ông Huỳnh Ch chết là sai do không hỏi ý kiến các anh, chị em trong gia đình. Bản thân ông không muốn tranh chấp gì. Nếu ông được chia phần thừa kế thì ông không nhận mà cho lại các con của ông Huỳnh Ch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2. Ông B1, bà Th2 có 07 người con như nguyên đơn trình bày. Nhà, đất mà hiện nay đang tranh chấp là tài sản do ông B1, bà Th2 để lại. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp, cũng không đòi hỏi quyền lợi gì. Nếu bà được chia thừa kế thì bà tự nguyện cho phần mà bà được nhận cho 05 người em trai của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2. Ông B1 và bà Th2 có 07 người con như nguyên đơn trình bày. Nhà, đất mà hiện nay đang tranh chấp là tài sản do Bổ, bà Th2 để lại. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp, cũng không đòi hỏi quyền lợi gì. Nếu bà được chia thừa kế thì bà tự nguyện cho phần mà bà được nhận cho các con của ông Huỳnh Ch.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Cao Thị L1, Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S, Huỳnh Thị Huyền Ph, Huỳnh Tấn T3 là ông Huỳnh Tấn Yên Tr trình bày:

Ông thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện D trình bày:

Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch (chết) được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số CH00229 ngày 01/4/2010 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10, diện tích 1164 m^2, tại thị trấn D, huyện D. Đất có nguồn gốc do ông bà để lại (không giấy tờ); ông Huỳnh Ch quản lý sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, cụ thể bà L chứng minh bằng giấy xác nhận đã nộp thuế nhà đất từ năm 1993 đến năm 2009 do chồng là ông Huỳnh Ch đứng tên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch là đúng quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 16/9/2016, bà Trần Thị L có đơn đề nghị tách thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10 thành 06 thửa mới là 671, 672, 673, 674, 675, 676 và lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế cho các người thừa kế của ông Huỳnh Ch là các ông, bà Trần Thị L, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Trang Đ1, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Lệ H được Văn phòng công chứng Anh Khoa chứng thực số: 2916/2016, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/10/2016. Các thành viên nhận thừa kế đã đăng ký biến động đất đai và đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp sau:

- Thửa đất số 671, tờ bản đồ số 10, diện tích 177,6 m^2 (ODT 36 m^2; CLN 141,6m^2 (DGT:125,2m^2)) giao cho bà Trần Thị L; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011887, số vào sổ cấp GCN: CH03798, cấp ngày 09/11/2016.

- Thửa đất số 676, tờ bản đồ số 10, diện tích 141,5m^2 (ODT 36 m^2; CLN 105,5m^2 (DGT: 98,3m^2)) giao cho bà Huỳnh Thị Lệ H; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011888, số vào sổ cấp GCN: CH03799, cấp ngày 09/11/2016.

- Thửa đất số 673, tờ bản đồ số 10, diện tích 206m^2 (ODT 36 m^2; CLN 170m^2 (DGT: 96,7m^2)) giao cho ông Huỳnh Tấn T; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011889, số vào sổ cấp GCN: CH03800, cấp ngày 09/11/2016.

- Thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, diện tích 324m^2 (OĐT 36 m^2; CLN 288,7m^2 (DGT: 166m^2)) giao cho ông Huỳnh Tấn Th; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011890, số vào sổ cấp GCN: CH03801, cấp ngày 09/11/2016.

- Thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 147,6m^2 (ODT 36 m^2; CLN 116m^2 (DGT 87,2m^2)) giao cho bà Huỳnh Thị Trang Đ1; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011891, số vào sổ cấp GCN: CH03802Tcấp ngày 09/11/2016.

- Thửa đất số 674, tờ bản đồ số 10, diện tích 160,2m^2 (ODT 36 m^2; CLN 124.2m^2 (DGT: 74.2m^2)) giao cho bà Huỳnh Thị Đài T1; được cấp Giấy chứng nhận số CE 6011892, số vào sổ cấp GCN: CH03803, cấp ngày 09/11/2016.

Việc ông Huỳnh Tấn Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00229 cấp ngày 01/4/2010 cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch (chết) là không có cơ sở để xem xét vì giấy

chứng nhận trên đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa chi nhánh tại Diên Khánh thu hồi sau khi cấp các giấy chứng nhận cho những người nhận tài sản thừa kế theo Văn bản phân chia thừa kế số: 2916/2016, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/10/2016 nêu trên.

Tại bản án dân sự thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ các Điều 675, 676 và 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ về chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2 đối với thửa đất số 119 (đã được tách thành các thửa đất số 671, 672, 673, 674, 675, 676) tờ bản đồ số 10 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là 1172,2m^2 và nhà cùng vật kiến trúc trên đất.

2. Chia hiện vật:

Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H được nhận chung thửa đất số 119 (đã được tách thành các thửa đất số 671, 672, 673, 674, 675, 676) tờ bản đồ số 10 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là 1.172,2 m^2, trong đó, đất ở 180 m^2, còn lại là đất trồng cây lâu năm, có 659,2 m^2 đất thuộc quy hoạch giao thông đường bộ (theo trích đo địa chính kèm thửa đất kèm theo) và nhà cùng vật kiến trúc trên đất gồm:

- Nhà 01 tầng, tường xây gạch dày 100 -200, bổ trụ, mái ngói, không trần, nền lát gạch men, cửa gỗ, tường sơn nước (kí hiệu A), hệ thống điện hoàn chỉnh; diện tích: 51,05m^2;

- Nhà 01 tầng, tường xây gạch dày 100 -200, bổ trụ, mái ngói - tôn, không trần, nền lát gạch hoa xi măng - láng xi măng, cửa gỗ, tường sơn nước, hệ thống điện hoàn chỉnh (ký hiệu B,C,D); diện tích: 55 + 9,44 + 16,15 = 80,59m^2;

- Nhà vệ sinh độc lập (ký hiệu WC); mái che 1 có cấu trúc mái che cột kèo gỗ tiêu chuẩn, mái ngói, nền xi măng; giếng xây gạch thẻ, sân xi măng, sân lát gạch thẻ, cổng, tường rào (theo bản vẽ hiện trạng nhà kèm theo bản án).

3. Thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế:

3.1. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Hùỳnh Thị Lệ Hoa phải liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Tấn Đ 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

3.2. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H phải liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Tấn T3 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

3.3. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H phải liên đới thanh toán cho các ông, bà Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S và Huỳnh Thị Huyền Ph 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều do Ủy ban nhân dân huyện D cấp sau:

- Giấy chứng nhận số CH00229 ngày 01/4/2010 cấp cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch (đã chết) đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.164m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03798 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 10, diện tích 177,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03799 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Lệ H đối với thửa đất số 676, tờ bản đồ số 10, diện tích 141,5m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03800 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn T đối với thửa đất số 673, tờ bản đồ số 10, diện tích 206m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03801 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn Th đối với thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, diện tích 324m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03802 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Trang Đ1 đối với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 147,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03803 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Đài T1 đối với thửa đất số 674, tờ bản đồ số 10, diện tích 160,2m^2;

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn - ông Huỳnh Tấn Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Huỳnh Tấn P là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn Đ giữ nguyên kháng cáo, ông P trình bày ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia theo giá trị là không đúng bởi lẽ ông cần có chỗ ở, cần đất xây nhà, do vậy ông P yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chia di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn H4 đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Tấn Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

{1} . Về hàng thừa kế và di sản thừa kế, di sản thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh B1 và cụ Nguyễn Thị Th2 gồm có 07 người con, trong đó 05 người còn sống gồm: Huỳnh Tấn Đ; Huỳnh Tấn T2; Huỳnh Tấn T3; Huỳnh Thị H1; Huỳnh Thị B. 02 người đã chết là: Huỳnh Ch (chết) có vợ là bà Trần Thị L và các con là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H; ông Huỳnh Tấn Đ3 (chết trước năm 1975) có vợ là bà Cao Thị L1 và các con là Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S và Huỳnh Thị Huyền Ph.

Về di sản thừa kế: Ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất có diện tích 1.164,2 m^2, thửa số 119, tờ bản đồ số 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là của cụ Huỳnh B1 (chết năm 1982) và cụ Nguyễn Thị Th2 (chết năm 2001), hiện do bà Trần Thị L (vợ ông Huỳnh Ch) và các con ông Ch, bà L đang quản lý sử dụng.

Xem xét ý kiến của những người hưởng di sản thừa kế thấy rằng: Ông Đ yêu cầu chia di sản bằng hiện vật quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ý kiến của ông Huỳnh Tấn T3 (do ông Huỳnh Tấn Yên Tr đại diện theo ủy quyền ở giai đoạn sơ thẩm), ý kiến của bà Cao Thị L1 (đồng thời đại diện theo ủy quyền của các con của bà L gồm: Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S và Huỳnh Thị Huyền Ph), yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bổ, cụ Thản để lại, ý kiến ông Huỳnh Tấn T2 và ý kiến bà Huỳnh Thị B nếu được chia di sản thừa kế thì ông T2, bà B tặng cho kỷ phần của mình cho các con của ông Huỳn Cho và bà Trần Thị L, ý kiến bà H1 tặng cho kỷ phần của mình cho 05 em trai.

Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận ngôi nhà cấp 4, trên thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10, diện tích 1164,2 m^2 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là di sản của cụ Huỳnh B1 và cụ Nguyễn Thị Th2 để lại. Về hàng thừa kế các đương sự không tranh chấp, hàng thừa kế thứ nhất gồm 07 người trong đó có 05 người còn sống và 02

người đã mất, hai người đã mất có vợ và các con kế thừa và thừa kế thế vị. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và đưa vào tham gia tố tụng đầy đủ.

{2}. Xem xét quá trình quản lý, sử dụng di sản thừa kế nhận thấy: ông Huỳnh B1 mất năm 1982, bà Nguyễn Thị Th2 mất năm 2001, khi các cụ còn sống, các con đều ở chung trong gia đình của cụ Bổ, cụ Thạn, sau khi lập gia đình thì lần lượt tách ra đi ở chỗ khác, chỉ còn ông Huỳnh Ch là con út và vợ là Trần Thị L ở chung với cụ Bổ, cụ Thạn. Đến năm 2007 ông Ch mất. Năm 2010 bà L tự đăng ký, kê khai đất đai và được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Quá trình sử dụng đất, ông Ch, bà L đã thực hiện việc nộp thuế đối với nhà đất, khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L là người nộp tiền sử dụng đất. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đã lập Biên bản thỏa thuận phân chia thửa đất lại cho bà L (phần có nhà của cụ Bổ, cụ Thạn), phần đất còn lại chia cho 5 người con. UBND huyện D cũng đã tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L, Huỳnh Thị Lệ H, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Đài T1. Cụ thể:

- Giấy chứng nhận số CH03798 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 10, diện tích 177,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03799 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Lệ H đối với thửa đất số 676, tờ bản đồ số 10, diện tích 141,5m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03800 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn T đối với thửa đất số 673, tờ bản đồ số 10, diện tích 206m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03801 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn Th đối với thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, diện tích 324m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03802 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Trang Đ1 đối với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 147,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03803 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Đài T1 đối với thửa đất số 674, tờ bản đồ số 10, diện tích 160,2m^2;

Xét thấy, việc làm của bà Nguyễn Thị Lý là thực hiện không đúng nghĩa vụ của người quản lý di sản được quy định tại Điều 617 Bộ Luật dân sự, việc tự kê khai, đăng ký để được cấp Giấy CNQSDĐ đối với di sản của cụ Bổ, cụ Thản trong lúc không có di chúc hợp pháp, không có giấy tờ tặng cho của cụ Bổ và cụ Thản hoặc giấy tờ về sự thỏa thuận của các đồng thừa kế khác, mặc khác việc UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L, cũng như việc tách chia thửa đất là di sản cụ Bổ và cụ Thạn để lại trong lúc chưa có những tài liệu, thủ tục nói trên là trái với quy định của pháp luật đất đai và Bộ luật dân sự.

Lẽ ra, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên phải hủy bỏ, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thực tế quản lý, quyền sử dụng đất của ông

Ch, bà L trải qua thời gian đã lâu, diện tích đất phần lớn nằm trong quy hoạch giao thông đường bộ 659,2 m^2, diện tích đất còn lại chỉ có 513 m^2, ông Ch bà L đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất, việc chia hiện vật khó khăn do nhà đất có căn nhà nằm giữa đất, ông Đ tuy có trình bày có nhu cầu về chỗ ở nhưng thực tế ông đã có nhà ở ổn định tại số 37, đường Tr1, phường Ph1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, các đồng thừa kế khác không có nhu cầu về chỗ ở, không có ai kháng cáo yêu cầu chia hiện vật. Bà L và các con của bà có quá trình sử dụng đất ổn định lâu dài và có nhu cầu về chỗ ở. Mặt khác, trong khối di sản của ông B1 bà Th2 để lại, bà L và các con của ông Ch, bà L được hưởng một kỷ phần do có công sức bảo quản, một kỷ phần được hưởng và gần 3 kỷ phần do các đồng thừa kế khác tặng cho. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr trình bày: Họ tộc đã có nhà thờ tự tại vị trí khác, cách thửa đất này không xa, việc chia hiện vật là quyền sử dụng đất chỉ để lưu niệm, măc khác do bà Trần Thị L tự tiện đăng ký, kê khai và tự chia di sản là sai nhưng luôn cho rằng việc làm của mình là đúng nên ông Đ mới khởi kiện.

Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Đ và chia di sản thừa kế bằng giá trị là phù hợp, việc chia thừa kế theo giá trị đã được Tòa án cấp sơ thẩm đo đạc định giá, xem xét ý kiến của những người được hưởng di sản, việc giao hiện vật di sản cho bà L và các con của bà L, đồng thời buộc bà L và các con của bà L thối trả giá trị lại cho ông Đ và các đồng thừa kế khác là có căn cứ pháp luật, hợp tình, hợp lý. Việc bà Trần Thị L tự đăng ký, kê khai và được cấp GCNQSDĐ là không đúng pháp luật, tuy nhiên theo các nhận định nêu trên việc chia di sản theo giá trị là phù hợp nên không cần thiết phải hủy các GCNQSDĐ đã cấp. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Đ về việc yêu cầu chia hiện vật là quyền sử dụng đất, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

{4}. Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét ông Huỳnh Tấn Đ sinh năm 1935, là "Người cao tuổi" nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điểm đ, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ các Điều 675, 676 và 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ về chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh B1 và bà Nguyễn Thị Th2 đối với thửa đất số 119 (đã được tách thành các thửa đất số 671, 672, 673, 674, 675, 676) tờ bản đồ số 10 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là 1172,2 m^2 và nhà cùng vật kiến trúc trên đất.

2. Chia hiện vật:

Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H được nhận chung thửa đất số 119 (đã được tách thành các thửa đất số 671, 672, 673, 674, 675, 676) tờ bản đồ số 10 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là 1.172,2 m^2, trong đó, đất ở 180 m^2, còn lại là đất trồng cây lâu năm, có 659,2 m^2 đất thuộc quy hoạch giao thông đường bộ (theo trích đo địa chính kèm thửa đất kèm theo) và nhà cùng vật kiến trúc trên đất gồm:

- Nhà 01 tầng, tường xây gạch dày 100 -200, bổ trụ, mái ngói, không trần, nền lát gạch men, cửa gỗ, tường sơn nước (kí hiệu A), hệ thống điện hoàn chỉnh; diện tích: 51,05m^2;

- Nhà 01 tầng, tường xây gạch dày 100 -200, bổ trụ, mái ngói - tôn, không trần, nền lát gạch hoa xi măng - láng xi măng, cửa gỗ, tường sơn nước, hệ thống điện hoàn chỉnh (ký hiệu B,C,D); diện tích: 55 + 9,44 + 16,15 = 80,59m^2;

- Nhà vệ sinh độc lập (ký hiệu WC); mái che 1 có cấu trúc mái che cột kèo gỗ tiêu chuẩn, mái ngói, nền xi măng; giếng xây gạch thẻ, sân xi măng, sân lát gạch thẻ, cổng, tường rào (theo bản vẽ hiện trạng nhà kèm theo bản án).

3. Thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế:

3.1. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Hùỳnh Thị Lệ Hoa phải liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Tấn Đ 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

3.2. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H phải liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Tấn T3 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

3.3. Bà Trần Thị L và các con bà là Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Thị Đài T1, Huỳnh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Thị Lệ H phải liên đới thanh toán cho các ông, bà Huỳnh Thị Lệ Th1, Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị Ngọc S và Huỳnh Thị Huyền Ph 53.865.600đ, phần trách nhiệm của mỗi người là 8.977.600đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều do Ủy ban nhân dân huyện D cấp sau:

- Giấy chứng nhận số CH00229 ngày 01/4/2010 cấp cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ch (đã chết) đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.164m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03798 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 10, diện tích 177,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03799 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Lệ H đối với thửa đất số 676, tờ bản đồ số 10, diện tích 141,5m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03800 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn T đối với thửa đất số 673, tờ bản đồ số 10, diện tích 206m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03801 ngày 09/11/2016 cấp cho ông Huỳnh Tấn Th đối với thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, diện tích 324m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03802 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Trang Đ1 đối với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 147,6m^2;

- Giấy chứng nhận số CH03803 ngày 09/11/2016 cấp cho bà Huỳnh Thị Đài T1 đối với thửa đất số 674, tờ bản đồ số 10, diện tích 160,2m^2;

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điểm đ, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Tấn Đ , trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000722 ngày 11/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa cho ông Đ.

Quy định chung: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

(Đã ký)

Trương Công Thi